TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật;

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huế, Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà:*** Ông Bùi Quang Dương.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã D, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Xóm 8, thôn Đại Hải, xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1978

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn D, xã D, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt anh T không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 01 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội nhưng anh T không thay đổi. Từ năm 2019 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đoàn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Đoàn Duy N, sinh ngày 07/10/2009, hiện nay con Nhất đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để giải quyết việc chị L có đơn xin ly hôn anh. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại gia đình để ghi lời khai của anh T nhưng không thực hiện được.

Xác minh tại địa phương, thôn trưởng Thôn D, xã D cung cấp: Anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình. Anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa phương. Quá trình anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình. Từ tháng 6/2021 chị L mang con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sinh sống. Anh chị có một con chung là Đoàn Duy N hiện đang ở cùng chị L. Anh chị có những tài sản gì hay vay nợ ai thì địa phương không rõ. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại gia đình anh Đoàn Văn T, anh Đoàn Văn Quyết là anh trai anh T cung cấp: Anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 anh T đi làm ăn ở tỉnh Quảng Ninh nhưng công việc không luận lợi nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 6/2021 đến nay, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T và chị L có hai con nhưng một con đã chết, hiện còn một con chung là Đoàn Duy N, sinh ngày 07/10/2009 đang ở cùng mẹ, anh chị không có tài sản gì chung. Các Thông báo và Giấy báo của Tòa án gửi cho anh Đoàn Văn T , anh T đều đã được gia đình thông báo cho biết. Nay chị L xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã nhận được các thông báo và giấy báo của Tòa án là tự từ bỏ quyền của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đoàn Văn T. Về nuôi con chung: áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đoàn Duy N, sinh ngày 07/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên không giải quyết. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn T kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 06 tháng 01 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh T không có ý kiến trình bày nhưng việc anh chị có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng hiện tại đang sống ly thân là có thật. Mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng đời sống chung trên thực tế đã không còn tồn tại nên áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đoàn Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có một con chung là Đoàn Duy N, sinh ngày 07/10/2009, hiện con đang ở cùng chị L. Ly hôn, chị L có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi con. Xét chị L có việc làm và thu nhập đảm bảo việc nuôi con, con Nhất cũng có nguyện vọng ở cùng mẹ, anh T không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Vì chị L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng cho con, anh T không có ý kiến trình bày nên không giải quyết. Chị L và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

[4] Về chia tài sản chung vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến trình bày nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị L, anh T có quyền yêu cầu giải quyết chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Đoàn Văn T .

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Duy N, sinh ngày 07/10/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Đoàn Văn T phải cấp dưỡng cho con nên không giải quyết.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị L, T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001269 ngày 01 tháng 11 năm 2022, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hay được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *UBND xã Vũ Đông, TP Thái Bình (Số 02/06.01.2009)*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền